ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 43/2016/QĐ-UBND	*Tuy Hòa, ngày 24 tháng 8 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Điều chỉnh, bổ sung giá đất vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015-2019) của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015-2019);

Ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh (tại Công văn số 172, 173 và 175/HĐND-KTNS ngày 15/8/2016);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại các Tờ trình số 510, 511/TTr-STNMT ngày 29/7/2016 và số 530/TTr-STNMT ngày 03/8/2016); ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại các Báo cáo số 139/BC-STP ngày 14/7/2016 và số 147/BC-STP ngày 28/7/2016).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung giá đất tại thị xã Sông Cầu vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh; như sau:

1. Điều chỉnh giá đất đường Lê Lợi, thị xã Sông Cầu:

- Giá đất đường Lê Lợi, thị xã Sông Cầu trong Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014:

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
8	**Đường Lê Lợi**				
8.1	Đoạn từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến giáp dự án Khu A & B	2.000	1.500	900	540
8.2	Đoạn còn lại	700	420	250	150

- Nay điều chỉnh, bổ sung như sau:

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
8	**Đường Lê Lợi**				
8.1	Đoạn từ giáp dự án Khu A đến giáp đường Phan Bội Châu	3.500	2.600	1.500	900
8.2	Đoạn từ giáp đường Phan Bội Châu đến giáp đường Phạm Văn Đồng	2.000	1.500	900	540
8.3	Đoạn còn lại	700	420	250	150

2. Điều chỉnh, bổ sung giá đất Dự án Khu dân cư đường nội thị dọc bờ biển thị xã Sông Cầu:

- Giá đất của Dự án Khu dân cư đường nội thị dọc bờ biển thị xã Sông Cầu trong Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014:

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
38	**Dự án khu dân cư đường nội thị dọc bờ biển thị xã Sông Cầu** (nay là phường Xuân Phú sau khi đầu tư hoàn thành)				
38.1	Ô B3, B5, B6, B7, B8, B9: Các lô tiếp giáp đường rộng 25m	4.500			
38.2	Ô B1, B2, B7, B8, A4, A5, A8 : các lô tiếp giáp đường rộng 20m	3.000			
38.3	Ô B1, B2, B3, B4, A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9: các lô tiếp giáp đường rộng 16m	1.200			
38.4	Ô B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B9, B10 : các lô tiếp giáp đường rộng 10m	2.000			

- Nay điều chỉnh, bổ sung như sau:

Số TT	Tên đường, đoạn đường	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
38	**Dự án Khu dân cư đường nội thị dọc bờ biển thị xã Sông Cầu** (Khu A và Khu B; sau khi được đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt)				
38.1	Các lô tiếp giáp đường rộng 26,5m	5.500			
38.2	Các lô tiếp giáp đường rộng 25 mét	4.500			
38.3	Các lô tiếp giáp đường rộng 20 mét	3.000			
38.4	Các lô tiếp giáp đường rộng 16 mét	2.000			
38.5	Các lô tiếp giáp đường rộng 14 mét	1.800			

38.6	Các lô tiếp giáp đường rộng 12 mét	1.400			

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung giá đất ở nông thôn tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa phận xã Hòa Tân Tây, huyện Tây Hòa vào Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015-2019), như sau:

1. Điều chỉnh giá đất trong Bảng giá các loại đất 5 năm (2015-2019) tại Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 08/10/2015 (điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014).

- Giá đất tại Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 08/10/2015:

Số TT	**Tên xã, đường, đoạn đường**	**Giá đất**			
	Huyện Tây Hòa	**VT 1**	**VT 2**	**VT 3**	**VT 4**
1	**Xã Hòa Tân Tây**				
1.1	**Đường Quốc lộ 29**				
-	Đoạn đường mới từ nhà hàng Dạ Thảo 3 đến đường bê tông từ cầu ga Gò Mầm đi cầu Suối (sau khi đã đầu tư hạ tầng)	420	240	100	70

- Nay điều chỉnh thành:

Số TT	**Tên xã, đường, đoạn đường**	**Giá đất**			
	Huyện Tây Hòa	**VT 1**	**VT 2**	**VT 3**	**VT 4**
1	**Xã Hòa Tân Tây**				
1.1	**Đường Quốc lộ 29**				
-	Đoạn từ cầu Gò Mầm mới đến Nhà hàng Dạ Thảo 3 (sau khi đã đầu tư hạ tầng)	2.000	1.000	500	250

2. Bổ sung giá đất trong Bảng giá các loại đất 5 năm (2015-2019) tại Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 (điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014).

- Giá đất tại Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 24/5/2016:

VI	**Huyện Tây Hòa**				
1	**Xã Hoà Tân Tây** ***(xã đồng bằng)***				
1.1.	**Quốc lộ 29**	**VT 1**	**VT 2**	**VT 3**	**VT 4**
*	Đoạn đường từ ga Gò Mầm cũ đến giáp Quốc lộ 29 mới	1.800	-	-	-

- Nay bổ sung giá đất vị trí 02 thành:

VI	**Huyện Tây Hòa**				
1	**Xã Hoà Tân Tây** ***(xã đồng bằng)***				

1.1.	Quốc lộ 29	VT 1	VT 2	VT 3	VT 4
*	Đoạn đường từ ga Gò Mầm cũ đến giáp Quốc lộ 29 mới	1.800	1.200	-	-

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh 5 năm (2015-2019) ban hành kèm theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014, như sau:

1. Bổ sung xác định vị trí đất của các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao quy định tại Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh; cụ thể như sau:

- Bổ sung Điểm f vào Khoản 3 Mục I Phần A: *"Vị trí đất của các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao được xác định là vị trí có giá đất thấp nhất của đường, đoạn đường tiếp giáp; trường hợp các Khu đất này liền cạnh với nhiều đường phố, đoạn phố thì xác định theo giá đất tại vị trí thấp nhất của đường phố, đoạn phố có giá cao nhất và cộng thêm 10% giá đất tại vị trí thấp nhất của đường phố, đoạn phố còn lại có giá cao nhất"*;

- Bổ sung Điểm g vào Khoản 3 Mục II Phần A: *"Vị trí đất của các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao được xác định là vị trí có giá đất thấp nhất của đường, đoạn đường tiếp giáp; trường hợp các Khu đất này liền cạnh với nhiều đường, đoạn đường thì xác định theo giá đất tại vị trí thấp nhất của đường, đoạn đường có giá cao nhất và cộng thêm 10% giá đất tại vị trí thấp nhất của đường, đoạn đường còn lại có giá cao nhất"*;

2. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Tuy Hòa; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chí Hiến